BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: SVĐ_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Giáo dục thể chất HP5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000002	1101020005	Đào Ngọc	Anh	22/07/2005	KD11D	01		2,5		Anh	
2	000003	1101020012	Đồng Mai	Anh	01/05/2003	KD11D	01		6,0		Anh	~~HP~~
3	000004	1101020015	Ngô Hoàng	Anh	16/10/2005	KD11D	01		8,5		Anh	
4	000005	1101020024	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	30/01/2005	KD11D	01		6,0		Anh	
5	000006	1101020030	Trần Diệu	Anh	15/01/2005	KD11D	01		3,0		~~Anh~~	
6	000007	1101020035	Vũ Thị Phương	Anh	16/07/2005	KD11D	01		4,0		Anh	~~HP~~
7	000008	1101021328	Trần Quốc Việt	Bách	01/09/2002	KD11D	01		5,0		Bách	
8	000009	1101020511	Lộc Thành	Đạt	13/09/2005	KD11D	01		5,5		Đạt	
9	000010	1101020067	Đào Thị Thùy	Dương	22/12/2005	KD11D	01		5,0		Dương	
10	000011	1101021346	Đặng Ngọc	Duy	11/11/2004	KD11D	~~01~~				Vắng	HP
11	000012	1101020076	Phạm Thị Hương	Giang	10/02/2005	KD11D	01		6,0		Giang	
12	000013	1101020809	Nguyễn Thu	Hà	14/01/2005	KD11D	01		7,0		Hà	
13	000014	1101020089	Trần Minh	Hải	12/10/2005	KD11D	01		3,0		Hải	
14	000015	1101020093	Phạm Thu	Hằng	23/09/2005	KD11D	01		5,0		Hằng	~~HP~~
15	000016	1101021182	Nguyễn Như	Hanh	17/11/2005	KD11D	01		7,0		Hanh	~~HP~~
16	000017	1101020096	Đinh Thúy	Hiền	21/05/2005	KD11D	01		6,0		Hiền	
17	000018	1101020959	Bùi Công	Hiếu	08/04/2005	KD11D	01		6,0		Hiếu	
18	000019	1101021443	Phạm Đức	Hiếu	02/08/2000	KD11D	01		6,5		Hiếu	
19	000020	1101020962	Nguyễn Quỳnh	Hoa	19/04/2005	KD11D	01		4,0		Hoa	
20	000021	1101020108	Đinh Thúy	Hồng	05/11/2005	KD11D	01		4,0		Hồng	
21	000022	1101021329	Phạm Thu	Hường	18/08/2000	KD11D	01		5,5		Hường	
22	000023	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	01		6,0		Huyền	
23	000024	1101020121	Nguyễn Ngọc	Huyền	30/04/2005	KD11D	01		5,5		Huyền	
24	000025	1101021330	Nguyễn Thu	Huyền	01/10/2005	KD11D	01		5,0		Huyền	
25	000026	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	01		6,0		Lan	
26	000027	1101020141	Đặng Mạnh	Linh	11/07/2005	KD11D	01		6,0		Linh	~~HP~~
27	000028	1101020145	Hoàng Thị Thùy	Linh	11/12/2005	KD11D	01		5,0		Linh	
28	000029	1101020155	Nguyễn Thị Diệu	Linh	21/08/2005	KD11D	01		4,5		Diệu	~~HP~~
29	000030	1101020167	Vũ Quang	Linh	29/07/2005	KD11D	01		1,0		Linh	
30	000031	1101020178	Trần Thị Vân	Ly	10/10/2005	KD11D	01		5,5		Ly	
31	000032	1101020181	Đặng Ngọc	Mai	11/07/2005	KD11D	01		7,0		Mai	
32	000033	1101020209	Nguyễn Đình	Nguyên	08/09/2005	KD11D	01		7,5		Nguyên	
33	000034	0810211788	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	20/04/2002	KD8D	01		6,0		Thảo	

Tổng số sinh viên dự thi:...33...
Tổng số tờ giấy thi:.....
Tổng số biên bản:.....

Ngày 04 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Đặng Hoài Nam

Cán bộ coi thi 2 Ngô Văn Sử

BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: SVĐ_CS2

DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ K11 THI HẾT HỌC PHẦN KỲ 2 NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Giáo dục thể chất HP5 - Bóng rổ

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000035	1101060914	Hoàng Thị Minh	Anh	04/04/2005	KA11A	02		6,0		Anh	
2	000036	1101060350	Đỗ Thị	Lan	06/09/2005	KA11A	02		5,0		lan	
3	000037	1101060358	Chu Thanh	Thảo	24/01/2005	KA11A	02		5,0		thảo	
4	000038	1101061350	Tạ Thị Minh	Trang	12/08/2005	KA11A	02		5,5		Trang	
5	000039	1101020189	Trần Vũ Hồng	Minh	04/12/2005	KD11D	02		4,0		Minh	
6	000040	1101020190	Vũ Thị Nguyệt	Minh	11/10/2005	KD11D	02		3,5		Minh	
7	000041	1101021437	Đỗ Thị Thục	Mỹ	15/04/2005	KD11D	02		4,0		Mỹ	
8	000042	1101020196	Lê Thị	Nga	23/09/2005	KD11D	02		6,0		Nga	
9	000043	1101021011	Hoàng Thị Huyền	Ngọc	24/07/2005	KD11D	02		5,0		Ngọc	
10	000044	1101020224	Nguyễn Thị	Như Ý	14/07/2005	KD11D	02		5,5		Ý	
11	000045	1101021017	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	06/04/2005	KD11D	02		5,5		Nhung	HP
12	000046	1101020235	Lê Thị Thu	Phương	14/03/2005	KD11D	02		5,0		Phương	
13	000047	1101020247	Đào Diễm	Quỳnh	26/12/2005	KD11D	02		5,0		Quỳnh	HP
14	000048	1101020253	Trần Thị Diệu	Quỳnh	28/07/2005	KD11D	02		5,0		Quỳnh	
15	000049	1101021032	Đào Thị	Thanh	22/08/2005	KD11D	02		5,5		Thanh	
16	000050	1101020263	Lê Thị	Thảo	17/10/2005	KD11D	02		4,5		Thảo	
17	000051	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	02		3,0		Thảo	
18	000052	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	02		4,0		Thư	
19	000053	1101020281	Nguyễn Hoài	Thương	28/07/2005	KD11D	02		5,0		Thương	
20	000054	1101020287	Đặng Thanh	Thủy	04/08/2005	KD11D	02		3,5		Thuỷ	HP
21	000055	1101020296	Lê Hà	Trang	24/11/2005	KD11D	02		5,5		Trang	
22	000056	1101020302	Nguyễn Quỳnh	Trang	31/07/2005	KD11D	02					HP,ĐK
23	000057	1101020311	Vũ Quang	Triển	08/10/2005	KD11D	02		6,0		Triển	HP
24	000058	1101021065	Phùng Phương	Uyên	01/01/2005	KD11D	02		5,5		Uyên	
25	000059	1101020324	Nguyễn Thị Hồng	Vinh	22/11/2005	KD11D	02		3,0		Vinh	
26	000060	1101021410	Đặng Thị	Yến	06/02/2003	KD11D	02		5,0		Yến	HP
27	000061	1101020333	Nguyễn Hải	Yến	29/06/2005	KD11D	02		5,5		Yến	
28	000062	0710210103	Trần Thị Bích	Ngọc	30/01/2001	KD7C	02		6,0		Ngọc	HP

Tổng số sinh viên dự thi: 27
Tổng số tờ giấy thi:
Tổng số biên bản: 0

Ngày 4 tháng 6 Năm 2025

Cán bộ coi thi 1 Đỗ Nam Tuấn

Cán bộ coi thi 2 Phạm Kế Tuy